BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
-------	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3810/QĐ-BKHCN	*Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2 THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố sản phẩn, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, bao gồm mã HS, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng và văn bản quy phạm pháp luật quản lý.

1. Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 sản xuất trong nước, biện pháp quản lý được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

2. Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, biện pháp quản lý được áp dụng theo quy định tại:

a) Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và thay thế cho biện pháp quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

b) Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2018/BKHCN, QCVN 19:2019/BKHCN, QCVN 20:2019/BKHCN.

Điều 2. Giao Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hằng năm tổ chức rà soát, đề xuất Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ công bố sửa đổi, bổ sung sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ phù hợp với yêu cầu quản lý (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

1. Quyết định này thay thế Quyết định số 3482/QĐ-BKHCN ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 4. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tùng

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, PC, TĐC.

PHỤ LỤC

SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2 THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 3810/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên hàng hóa	Tên QCVN	Mã HS (theo Thông tư 65/2017/TT - BTC)	Tên văn bản áp dụng	Biện pháp quản lý đối với hàng hóa nhập khẩu
I	**Xăng, nhiên liệu điezen và nhiên liệu sinh học**				
1.1	Xăng không chì	QCVN 1:2015/BKHCN và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN	2710.12.21 2710.12.23 2710.12.24 2710.12.26	- Thông tư số 10/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 22/2015/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 04/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định. - Cơ quan kiểm tra: Cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa.
1.2	Xăng không chì pha ethanol		2710.12.22 2710.12.25		
1.3	Nhiên liệu điezen (diesel)		2710.19.71 2710.19.72		
1.4	Nhiên liệu điêzen	QCVN	2710.20.00	- Thông tư số	- Kiểm tra nhà

	(diesel) B5	1:2015/BKHCN và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN		10/2012/TT-BKHCN	nước về chất lượng trước khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định. - Cơ quan kiểm tra: Cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa. * *Ghi chú:* Theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật QCVN 1:2015/BKHCN và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN, đối với Etanol nhiên liệu biến tính/không biến tính không phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng khi nhập khẩu.
1.5	Nhiên liệu điêzen sinh học gốc (B 100) và các hỗn hợp của chúng		3826.00.10 3826.00.21 3826.00.22 3826.00.30	- Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN	
1.6	Etanol nhiên liệu biến tính/không biến tính.(*)			- Thông tư số 22/2015/TT-BKHCN	
	a) Etanol nhiên liệu không biến tính		2207.10.00	- Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN	
	b) Etanol nhiên liệu biến tính		2207.20.11 2207.20.19 2207.20.90	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 04/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	
2	**Khí dầu mỏ dạng hóa lỏng (LPG)**				
2.1	Propan	QCVN 8:2019/BKHCN	2711.12.00	- Thông tư số 14/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan.
2.2	Butan		2711.13.00		
2.3	Loại khác	QCVN 8:2019/BKHCN	2711.19.00	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số	- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng

				02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	nhận, tổ chức giám định được chỉ định. - Cơ quan kiểm tra: Cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa.
3	**Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy**	QCVN 2:2008/BKHCN	6506.10.10	- Quyết định 04/2008/QĐ-BKHCN - Thông tư số 02/2014/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
4	**Đồ chơi trẻ em (về an toàn đồ chơi trẻ em)**				
4.1	Xe đạp đồ chơi: xe ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh, xe của búp bê	QCVN 3:2019/BKHCN	9503.00.10	- Thông tư số 09/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký
4.2	Búp bê có hoặc không có trang phục		9503.00.21		
4.3	Bộ phận và phụ kiện của búp bê:		9503.00.22		

	Quần áo và phụ kiện quần áo; giầy và mũ			BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
4.4	Bộ phận và phụ kiện của búp bê: Loại khác		9503.00.29		
4.5	Xe điện, kể cả đường ray, đèn hiệu và các phụ kiện của chúng		9503.00.30		
4.6	Các mô hình thu nhỏ theo tỷ lệ (scale) và các mô hình giải trí tương tự, có hoặc không vận hành		9503.00.40		
4.7	Đồ chơi và bộ đồ chơi xây dựng khác, bằng mọi loại vật liệu trừ nhựa (plastic)		9503.00.50		
4.8	Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người	QCVN 3:2019/BKHCN	9503.00.60	- Thông tư số 09/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan
4.9	Các loại đồ chơi đố trí (puzzles)		9503.00.70		
4.10	Đồ chơi, xếp khối hoặc cắt rời hình chữ số, chữ cái hoặc hình con vật; bộ xếp chữ; bộ đồ chơi tạo chữ và tập nói: bộ đồ chơi in hình: bộ đồ chơi đếm (abaci); máy may đồ chơi; máy chữ đồ chơi		9503.00.91		
4.11	Dây nhảy		9503.00.92		
4.12	Hòn bi		9503.00.93		

4.13	Các đồ chơi khác bằng cao su		9503.00.94		chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
4.14	Các loại đồ chơi khác		9503.00.99		
5	**Thiết bị điện và điện tử (an toàn điện)**				
5.1	***Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời*** (Bình đun nước nóng nhanh) dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, được thiết kế để đun nước nóng đến nhiệt độ thấp hơn độ sôi của nước, có điện áp danh định không lớn hơn 250V đối với thiết bị một pha và 480V đối với các thiết bị khác. Bao gồm:				
	a) Bình đun nước nóng nhanh (Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời) dùng trong gia dụng	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8516.10.19	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	b) Các thiết bị, dụng cụ đun nước nóng tức thời khác dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự (như vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh)		8516.10.19		
5.2	***Dụng cụ điện đun nước và chứa nước nóng*** (Bình đun nước nóng có dự trữ) dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, được thiết kế để đun nước nóng đến nhiệt độ thấp hơn độ sôi của nước, có điện áp danh định không lớn hơn 250V đối với thiết bị một pha và 480V đối với các thiết bị khác. Bao gồm:				
	a) Bình đun nước nóng có dự trữ dùng trong gia dụng	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN	8516.10.19	- Thông tư số 21/2009/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông

	b) Thiết bị làm nóng lạnh nước có dự trữ (kể cả có bộ phận lọc nước); Máy lọc và làm nóng lạnh nước. Cụ thể:	4:2009/BKHCN		BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	- Máy làm nóng lạnh nước uống		8516.10.19		
	- Máy lọc và làm nóng lạnh nước uống dùng trong gia đình, công suất lọc không quá 500 lít/giờ		8421.21.11		
	- Máy làm nóng lạnh nước uống có buồng chứa làm lạnh đồ uống dùng trong gia đình		8418.69.90		
5.3	***Thiết bị điện dùng để chăm sóc da hoặc tóc*** cho con người hoặc động vật, dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250V. Bao gồm:				
	a) Máy sấy tóc	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8516.31.00	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo
	b) Lược uốn tóc; Kẹp uốn tóc; Lô uốn tóc có thiết bị gia nhiệt tách rời; Thiết bị gia nhiệt dùng cho phương tiện uốn tóc tháo rời được; Thiết bị tạo nếp tóc lâu dài; Máy hấp tóc (sử dụng hơi nước hấp tóc): Máy là tóc		8516.32.00		
	c) Máy sấy làm khô tay		8516.33.00		

				- Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
5.4	***Thiết bị điện dùng để đun chất lỏng*** dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250V. Bao gồm:				
	a) Nồi cơm điện	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8516.60.10	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	b) Nồi nấu chậm c) Nồi nấu (luộc) trứng d) Nồi hấp đ) Ấm sắc thuốc e) Bếp đun dạng tấm đun (Chảo điện) g) Nồi áp suất có áp suất nấu danh định không quá 140 kPa và dung tích danh định không vượt quá 10 lít		8516.60.90		
	h) Thiết bị pha cà phê	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8516.71.00	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động
	i) Ấm đun nước		8516.79.10		
	k) Các thiết bị khác dùng để đun sôi nước, có dung tích danh định không quá 10 lít (bao gồm cả phích đun nước, bình đun nước, ca		8516.79.90		

	đun nước) l) Thiết bị đun nóng chai chứa thức ăn m) Thiết bị đun sữa n) Thiết bị đun làm sữa chua o) Nồi giặt			BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	p) Bình thủy điện		8516.10.11		
5.5	***Quạt điện*** dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không vượt quá 250 V đối với quạt điện một pha và 480 V đối với quạt điện khác, có động cơ điện gắn liền với công suất không quá 125W. Bao gồm:				
5.5.1	Quạt bàn và quạt dạng hộp:	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	a) Quạt bàn b) Quạt hộp có lắp ắc quy, quạt tích điện sử dụng năng lượng điện và năng lượng mặt trời		8414.51.10		
5.5.2	Quạt có lưới bảo vệ: c) Quạt treo tường d) Quạt đứng đ) Quạt thông gió dùng điện một pha e) Quạt có ống dẫn dùng điện một pha g) Quạt sàn		8414.51.91		

5.5.3	Quạt loại khác (không có lưới bảo vệ): h) Quạt trần i) Quạt đứng k) Quạt treo tường l) Quạt thông gió dùng điện một pha m) Quạt có ống dẫn dùng điện một pha n) Quạt sàn o) Quạt tháp (dạng hình tháp) p) Quạt không cánh (bên ngoài)	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8414.51.99	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
5.6	***Bàn là điện***, bao gồm các loại bàn là sau: a) Bàn là điện không phun hơi nước b) Bàn là điện có phun hơi nước c) Bàn là điện có bình chứa nước hoặc bình tạo hơi nước riêng tách rời có dung tích không lớn hơn 5 lít	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8516.40.90	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo

				BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
5.7	***Lò vi sóng*** (bao gồm cả lò vi sóng kết hợp nướng): a) Lò vi sóng b) Lò vi sóng kết hợp	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	 8516.50.00 8516.60.90	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT - BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
5.8	***Lò nướng điện, vỉ nướng điện*** (Dụng cụ nhiệt điện gia dụng) loại di động có khối lượng không quá 18 kg. Bao gồm:				
	a) Bếp đun dạng tấm đun (lò nướng tiếp xúc, vỉ nướng tiếp xúc) b) Thiết bị kiểu vỉ nướng và tương tự (như lò quay thịt) c) Lò liền bếp d) Máy loại bớt nước trong thực	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8516.60.90	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động được thừa nhận.

	phẩm e) Bếp điện g) Lò di động			BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	h) Lò nướng raclette i) Lò nướng bức xạ k) Lò quay thịt l) Lò nướng có chuyển động quay	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8516.60.90	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	m) Lò nướng bánh mỳ n) Lò nướng bánh xốp theo khuôn o) Thiết bị đun nấu có chức năng nướng bánh		8516.72.00	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	
5.9	***Dây và cáp điện hạ áp*** (không bao gồm dây và cáp điện có điện áp dưới 50V và trên 1000V)	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8544.20.21 8544.20.29 8544.49.41 8544.49.42 8544.49.49	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã

				BKHCN - Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	đăng ký hoạt động được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
5.10	***Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng*** dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250 V (bao gồm cả que đun điện)	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	8516.10.30	- Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
6	**Thiết bị điện và điện tử (tương thích điện từ)**				
6.1	***Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời*** (ban gồm bình đun nước nóng nhanh sử dụng với mục đích tắm rửa, vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh. Không bao gồm các cây nóng lạnh hoặc bình đun nước nóng khác. Không bao gồm sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Bao gồm:				
	a) Dụng cụ điện đun nước nóng	QCVN 9:2012/BKHCN	8516.10.11	- Thông tư số 11/2012/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng

	tức thời dùng trong gia đình	và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN		BKHCN	sau khi thông quan.
	b) Các thiết bị, dụng cụ đun nước nóng tức thời khác dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (như vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh)		8516.10.19	- Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	- Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
6.2	***Máy khoan cầm tay*** hoạt động bằng động cơ, sử dụng trong gia dụng có công suất đến 1000W (không bao gồm máy gắn liền với dụng cơ điện hoạt động bằng pin/pin sạc)	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8467.21.00	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn

				02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
6.3	***Bóng đèn có balat lắp liền*** (Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng): Bóng đèn huỳnh quang com-pắc đã có chấn lưu lắp tiền (SEN)	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8539.31.30	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

6.4	***Máy hút bụi có động cơ gắn liền*** (bao gồm cả máy hút bụi dùng trong thương mại; không áp dụng đối với máy hút bụi chạy bằng pin hoặc pin sạc hoặc sử dụng nguồn điện một chiều khác). Bao gồm:				
	a) Máy hút bụi có động cơ gắn liền, công suất không quá 1.500 W và có túi hứng bụi hay đồ chứa khác với sức chứa không quá 20 lít	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8508.11.00	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	b) Máy hút bụi có động cơ gắn liền, loại khác phù hợp dung cho mục đích gia dụng		8508.19.10		
	c) Máy hút bụi có động cơ gắn liền khác		8508.19.90		
6.5	***Tủ lạnh, tủ kết đông và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác***, loại dùng điện; bơm nhiệt dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự có dung tích đến 1000 lít (Không bao gồm sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Bao gồm:				
	a) Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt.	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8418.10.11	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm

	Loại sử dụng trong gia đình, dung tích không quá 230 lít			BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	b) Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại sử dụng trong gia đình dung tích lớn hơn 230 lít		8418.10.19		
	c) Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại có dung tích không quá 350 lít	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8418.10.20	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về
	d) Tủ kết đông lạnh (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại dung tích trên 350 lít		8418.10.90		
	đ) Tủ lạnh loại sử dụng trong gia đình, sử dụng máy nén, có dung tích không quá 230 lít		8418.21.10		

	e) Tủ lạnh loại sử dụng trong gia đình, sử dụng máy nén, loại khác (như tủ làm mát, tủ bảo quản)		8418.21.90	BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	g) Tủ lạnh dùng trong gia đình, loại không sử dụng máy nén	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8418.29.00	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	h) Tủ kết đông loại cửa trên, dung tích không quá 200 lít		8418.30.10		
	i) Tủ kết đông loại cửa trên, dung tích từ 200 lít đến không quá 800 lít		8418.30.90		
	k) Tủ kết đông loại cửa trước, dung tích không quá 200 lít		8418.40.10		
	l) Tủ kết đông loại cửa trước, dung tích từ 200 lít đến không quá 900 lít		8418.40.90		
	m) Loại có kiểu dáng nội thất khác để bảo quản và trưng bày: quầy hàng, tủ bày hàng và loại tương tự, có lắp thiết bị làm lạnh, dung tích trên 200 lít (không phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm)		8418.50.19		

	n) Loại có kiểu dáng nội thất khác: tủ, tủ ngăn và các loại tương tự để bảo quản và trưng bày, có lắp thiết bị làm lạnh hoặc kết đông (không phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm)	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8418.50.99	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	o) Thiết bị làm lạnh đồ uống		8418.69.10		
	p) Thiết bị cấp nước lạnh (cold water dispenser)		8418.69.30		
6.6	***Máy giặt gia đình hoặc trong hiệu giặt***, kể cả máy chỉ có chức năng sấy khô hoặc máy giặt có chức năng sấy khô (không bao gồm các sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Bao gồm:				
	a) Máy giặt tự động hoàn toàn, loại có sức chứa không quá 06 kg vải khô một lần giặt	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8450.11.10	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận.
	b) Máy giặt tự động hoàn toàn, loại có sức chứa từ 06kg đến không quá 10kg vải khô một lần giặt		8450.11.90		
	c) Máy giặt loại khác, có chức		8450.12.10		

	năng sấy ly tâm, có sức chứa không quá 06 kg vải khô một lần giặt			BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN	- Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	d) Máy giặt loại khác, có chức năng sấy ly tâm, loại có sức chứa từ 06 kg đến không quá 10 kg vải khô một lần giặt	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8450.12.90	- Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	
	e) Máy giặt loại khác, hoạt động bằng điện, có sức chứa không quá 06 kg vải khô một lần giặt		8450.19.11		
	g) Máy giặt loại khác, hoạt động bằng điện, loại có sức chứa từ 06 kg đến không quá 10 kg vải khô một lần giặt		8450.19.19		
6.7	***Máy điều hòa không khí,*** gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt, sử dụng trong gia dụng và các mục đích tương tự (có giới hạn dòng điện không quá 25A; không bao gồm các sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Bao gồm:				
	a) Loại thiết kế để lắp vào cửa sổ, tường, trần hoặc sàn, kiểu một khối (lắp liền trong cùng một vỏ, một cục) hoặc "hệ thống nhiều khối chức năng" (cục nóng, cục lạnh tách biệt), công suất làm mát không quá 26,38 kW	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8415.10.10	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa

	b) Điều hòa không khí loại kèm theo một bộ phận làm lạnh và một van đảo chiều chu trình nóng/lạnh (bơm nhiệt có đảo chiều) khác, công suất làm mát không quá 21,10 kW		8415.81.93	28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
	c) Điều hòa không khí loại có kèm theo bộ phận làm lạnh, công suất làm mát không quá 26,38 kW		8415.82.91		
6.8	***Các sản phẩm, hàng hóa khác*** (được quy định tại Phụ lục của Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN. Bao gồm:				
	a) Máy sấy tóc	QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN	8516.31.00	- Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về
	b) Máy xay thịt		8509.40.00		
	c) Máy xay sinh tố				
	d) Máy ép trái cây				
	e) Máy đánh trứng				
	g) Bếp điện (bao gồm bếp điện từ)		8516.60.90		
	h) Lò vi sóng		8516.50.00		
	i) Lò vi sóng kết hợp		8516.60.90		

				BKHCN - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN	khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
7	**Thép làm cốt bê tông**				
7.1	Sắt hoặc thép không hợp kim, dạng thanh và que, ở dạng cuộn cuốn không đều, được cán nóng	QCVN 7:2019/BKHCN	7213.91.20 7213.99.20	- Thông tư số 13/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
7.2	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán		7214.20.31 7214.20.41 7214.20.51 7214.20.61		
7.3	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác	QCVN 7:2019/BKHCN	7215.50.91 7215.90.10	- Thông tư số 13/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa
7.4	Dây của sắt hoặc thép không hợp kim		7217.10.22 7217.10.33		
7.5	Dây bện tao, thừng, cáp, băng tết, dây treo và các loại tương tự, bằng sắt hoặc thép, chưa cách		7312.10.91		

	điện			BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	nhận. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
8	**Thép các loại** (bao gồm các loại thép thuộc Phụ lục II và Phụ lục III của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN). Bao gồm:				
8.1	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng bán thành phẩm	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7207.11.00 7207.12.90 7207.19.00 7207.20.92 7207.20.99	- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN - Thông tư số 18/2017/TT-BCT - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả tự đánh giá và cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
8.2	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, cán nguội (ép nguội), chưa dát phủ, mạ hoặc tráng	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7209.15.00 7209.16.10 7209.16.90 7209.25.00 7209.26.10 7209.26.90		
8.3	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7210.11.90 7210.12.90 7210.20.10 7210.20.90 7210.30.11		

			7210.30.12 7210.30.19 7210.30.91 7210.30.99 7210.41.11 7210.41.19 7210.41.91 7210.41.99 7210.49.11 7210.49.12 7210.49.13 7210.49.19 7210.49.91 7210.49.99 7210.50.00 7210.61.11 7210.61.12 7210.61.19 7210.61.91 7210.61.99 7210.70.11 7210.90.10 7210.90.90		

8.4	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600m, đã phủ, mạ hoặc tráng	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7212.10.11 7212.10.13 7212.10.19 7212.10.92 7212.10.93 7212.10.99 7212.20.10 7212.20.20 7212.20.90 7212.30.11 7212.30.12 7212.30.13 7212.30.14 7212 30.19 7212.40.11 7212.40.12 7212.40.19 7212.40.91 7212.40.92 7212.40.99 7212.50.13 7212.50.14 7212.50.19	- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN - Thông tư số 18/2017/TT-BCT - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả tự đánh giá và cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

			7212.50.23 7212.50.24 7212.50.29 7212.50.93 7212.50.94 7212.50.99		
8.5	Sắt hoặc thép không hợp kim, dạng thanh và que ở dạng cuộn cuốn không đều, được cán nóng.	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7213.10.10 7213.10.90 7213.91.10 7213.91.90 7213.99.10 7213.99.90		
8.6	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7214.10.11 7214.10.19 7214.10.21 7214.10.29 7214.20.39 7214.20.49 7214.20.59 7214.20.69 7214.30.10 7214.30.90 7214.91.19	- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN - Thông tư số 18/2017/TT-BCT - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả tự đánh giá và cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan

			7214.91.21 7214.91.29 7214.99.11 7214.99.19 7214.99.91 7214.99.93 7214.99.99		chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
8.7	Sắt hoặc thép không hợp kim dạng góc, khuôn, hình	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7216.21.10 7216.21.90 7216.40.10 7216.40.90 7216.61.00 7216.69.00 7216.91.10 7216.91.90 7216.99.00	- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN - Thông tư số 18/2017/TT-BCT - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả tự đánh giá và cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
8.8	Thép hợp kim khác được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-	7225.50.90 7225.91.90 7225.92.90	- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN - Thông tư số	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm

		BCT-BKHCN	7225.99.90	18/2017/TT-BCT - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	tra nhà nước dựa trên kết quả tự đánh giá và cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
8.9	Sản phẩm của thép hợp kim khác được cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7226.91.90 7226.92.90 7226.99.19 7226.99.11 7226.99.91 7226.99.99	- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN - Thông tư số 18/2017/TT-BCT - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả tự đánh giá và cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

8.10	Các dạng thanh và que, của thép hợp kim khác, được cán nóng, dạng cuộc không đều	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7227.90.00	- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN - Thông tư số 18/2017/TT-BCT - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả tự đánh giá và cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
8.11	Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn và hình, bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim	Các tiêu chuẩn công bố áp dụng được quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7228.30.10 7228.30.90 7228.40.10 7228.50.10 7228.60.10 7228.70.10 7228.70.90	- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN - Thông tư số 18/2017/TT-BCT - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả tự đánh giá và cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp. - Cơ quan kiểm tra: cơ quan, đơn vị thực hiện chức

					năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
9	**Dầu nhờn động cơ đốt trong**	QCVN 14:2018/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN	2710.19.43	- Thông tư số 10/2018/TT-BKHCN - Thông tư số 06/2018/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: Cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa.
10	**Sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED**				
10.1	Bóng đèn đi-ốt phát quang (LED)/Đèn đi-ốt phát sáng (LED). Bao gồm: - Bóng đèn LED có ba-lát lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50 V; - Đèn điện LED	QCVN 19:2019/BKHCN	8539.50.00	- Thông tư số 08/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận.

	thông dụng cố định; - Đèn điện LED thông dụng di động; - Bóng đèn LED hai đầu được thiết kế thay thế bóng đèn huỳnh quang ống thẳng.			BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Cơ quan kiểm tra: Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh
10.2	Đèn rọi sử dụng công nghệ LED thông dụng cố định	QCVN 19:2019/BKHCN	9405.10.91	- Thông tư số 08/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh
10.3	Đèn điện LED thông dụng di động (đèn bàn, đèn giường hoặc đèn cây dùng điện sử dụng công nghệ LED. Trừ đèn cho phòng mổ)	QCVN 19:2019/BKHCN	9405.20.90		
11	**Thép không gỉ**				
11.1	Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên	QCVN 20:2019/BKHCN	7219.11.00 7219.12.00 7219.13.00 7219.14.00	- Thông tư số 15/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng

			7219.21.00 7219.22.00 7219.23.00 7219.24.00 7219.31 00 7219.32.00 7219.33.00 7219.34.00 7219.35.00 7219.90.00	- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
11.2	Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm	QCVN 20:2019/BKHCN	7220.11.10 7220.11.90 7220.12.10 7220.12.90 7220.20.10 7220.20.90 7220.90.10 7220.90.90	- Thông tư số 15/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
11.3	Thanh và que	QCVN	7221.00.00	- Thông tư số	- Kiểm tra nhà

	thép không gỉ được cán nóng, dạng cuộn cuốn không đều	20:2019/BKHCN		15/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
11.4	Thép không gỉ ở dạng thanh và que khác; thép không gỉ ở dạng góc, khuôn và hình khác	QCVN 20:2019/BKHCN	7222.11.00 7222.19.00 7222.20.10 7222.20.90 7222.30.10 7222.30.90 7222.40.10 7222.40.90	- Thông tư số 15/2019/TT-BKHCN - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN	- Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoạt động hoặc được thừa nhận. - Cơ quan kiểm tra: Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc cơ quan
11.5	Dây thép không gỉ	QCVN 20:2019/BKHCN	7223.00.10 7223.00.90		

					chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Quyết định 3810/QĐ-BKHCN năm 2019 công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa Học và Công Nghệ